

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3113 /QĐ-XHNV

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV-TC, ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1493/TB-ĐHQGHN ngày 28/3/2025 của ĐHQGHN về việc thông báo Số liệu thẩm định quyết toán Ngân sách năm 2023 của Trường ĐHKHXH&NV;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường Phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (Ban KHTC);
- Lưu: VT, KHTC.



Gs.Ts Hoàng Anh Tuấn

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 3113/QĐ-XHNV ngày 11/4/2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
A	Quyết toán thu				
I	Tổng số thu				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Thu sự nghiệp khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1.	Lệ phí				
2.	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	80.300,331	80.300,331		
I	Nguồn NSNN				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	3.351,291	3.351,291		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	.351,291	3.351,291		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp ĐHQGHN</i>	3.351,291	3.351,291		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	75.065,04	75.065,04		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	62.144,418	62.144,418		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.920,622	12.920,622		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
3.3	Chi đào tạo Lào, Capuchia	1.884	1.884		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ	3.044,751	3.044,751		
II.1	Viện trợ Lào				
II.2	Viện trợ không hoàn lại	3.044,751	3.044,751		
1	Chi hành chính				
	Dự án A				
	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ				
	Dự án A				
	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
	Dự án A				
	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
	Dự án A				
	Dự án B				
5	Chi				
				
III	Chi nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính...				
				

